|  |  |
| --- | --- |
| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  TỈNH ĐIỆN BIÊN  **ĐOÀN GIÁM SÁT**  Số: /BC-ĐGS | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Điện Biên, ngày tháng 5 năm 2025* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả giám sát "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư, quản lý, cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2024"**

Thực hiện Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát năm 2025; Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 về Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư, quản lý, cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2024”, Đoàn giám sát của HĐND tỉnh đã tổ chức giám sát trực tiếp tại các huyện Điện Biên Đông, Nậm Pồ, Mường Nhé, Tủa Chùa, Tuần Giáo; làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên; giám sát qua Báo cáo đối với các huyện, thị xã, thành phố và 03 sở, ngành tỉnh[[1]](#footnote-1). Đoàn giám sát báo cáo kết quả như sau:

**I. KHÁI QUÁT CHUNG**

Tính đến hết năm 2024, dân số tỉnh Điện Biên là hơn 64,6 vạn người với 142.482 hộ, trong đó có 115.838 hộ dân nông thôn. Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 92,86% (*tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước tập trung: 53,56%; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 39,30%*); trong đó, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 14,62% (*tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: 11,78%; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 2,84%*). Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh là 92,80%; tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 3,63%. Tỷ lệ người dân thành thị được sử dụng nước sạch đạt 99,8%.

Tình hình sử dụng nước sinh hoạt của người dân trên địa bàn toàn tỉnh còn nhiều khó khăn, thách thức do địa hình núi cao, chia cắt; dân cư tại một số vùng cao, biên giới sống không tập trung, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn nước. Khu vực thành thị, hệ thống cấp nước tương đối ổn định, tỷ lệ người dân thành thị sử dụng nước sạch cao. Tại vùng nông thôn và miền núi, nhiều hộ dân vẫn phụ thuộc vào nguồn nước suối tự chảy, nước giếng hoặc bể chứa nước mưa, vì vậy tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch còn rất thấp.

**II.** **CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TUYÊN TRUYỀN**

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ban hành văn bản triển khai thực hiện**

Trong giai đoạn 2021 - 2024, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, định hướng của Trung ương[[2]](#footnote-2), UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành 07 văn bản; các sở, ngành ban hành 06 văn bản hướng dẫn để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng đã ban hành hơn 100 văn bản chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tăng cường công tác quản lý, bảo vệ các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn và các văn bản tuyên truyền nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ nguồn nước, chấp hành các quy định về khai thác, sử dụng các công trình cấp nước trên địa bàn hiệu quả.

*(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo Báo cáo)*.

**2. Công tác truyền thông, tuyên truyền tại các địa phương**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công đã tiến hành tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, các quy định hiện hành về bảo vệ các công trình cấp nước sinh hoạt được đầu tư, vận hành trên địa bàn; tuyên truyền về ý nghĩa của việc sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh trong đời sống hàng ngày, về tác hại của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước. Hoạt động tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức như treo pa nô, khẩu hiệu nhân các sự kiện có liên quan như: Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (từ ngày 29/4 - ngày 06/5), Ngày môi trường Thế giới 5/6, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn ngày 22/9; tuyên truyền lồng ghép trong các buổi sinh hoạt tổ dân phố, thôn, bản, trên hệ thống loa phát thanh và các buổi diễn văn nghệ tại các trường học,... Việc tuyên truyền đã giúp nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong bảo vệ các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn, nâng cao ý thức trong việc trồng rừng bảo vệ nguồn nước; giữ gìn vệ sinh môi trường; thay đổi hành vi, thói quen sử dụng nước chưa tiết kiệm, chưa bảo đảm sức khỏe.

Giai đoạn 2021 - 2024, Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (nay là Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường) đã thực hiện 27 lớp truyền thông, tuyên truyền cho 690 lượt người đại diện cho các hộ dân tại các xã thuộc địa bàn có các dự án cấp nước sạch tập trung thuộc Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng Thế giới, các xã đăng ký hoàn thành Chương trình Xây dựng nông thôn mới, các xã khó khăn có nguồn nước ô nhiễm.

Tuy nhiên, qua giám sát cho thấy, công tác tuyên truyền tại một số địa phương, cơ sở còn hạn chế, chưa thực sự làm thay đổi nhận thức, thói quen của một bộ phận người dân trong sử dụng nước sinh hoạt hằng ngày, đặc biệt là người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, hộ nghèo, như uống nước lã trực tiếp lấy từ các mó nước, khe suối tự chảy không qua hệ thống lọc, bình lọc; tự lắp đặt ống dẫn nước từ đầu nguồn về sử dụng thay vì sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung nông thôn,...

Cùng với công tác truyền thông về sử dụng nước sạch, trong giai đoạn 2021- 2024, các sở ngành chuyên môn đã tổ chức 25 lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn về kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt cho 359 học viên làm công tác vệ sinh môi trường nước sạch tuyến huyện, thị xã, thành phố; thực hiện tốt việc kiểm tra chất lượng nước sạch theo quy định.

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng các công trình cấp nước**

***1.1. Đối với nước sinh hoạt tập trung nông thôn***

Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 115.838 hộ dân nông thôn đang sử dụng nước sinh hoạt từ **1.048** công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn. Trong 1.048 công trình, có1.020 công trình giao cộng đồng quản lý; 03 công trình giao Hợp tác xã quản lý; 13 công trình giao Đơn vị sự nghiệp quản lý và 12 công trình giao Doanh nghiệp quản lý.

*(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo Báo cáo)*.

Trong 1.048 công trình, có08/1.048 công trình cấp nước bằng hình thức bơm dẫn và 1.040/1.048 công trình cấp nước bằng hình thức tự chảy. Trong đó:

- Công trình đang hoạt động hiệu quả: 612 công trình, đạt tỷ lệ 58,40%.

- Công trình hoạt động kém hiệu quả: 237 công trình, chiếm tỷ lệ 22,61%.

- Công trình không hoạt động: 199 công trình, chiếm tỷ lệ 18,99%.

Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 92,86%; trong đó, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 14,62%.

***1.2. Đối với công trình nước sạch đô thị***

Hiện nay, Công ty Cổ phần cấp nước Điện Biên có nhiệm vụ sản xuất và cung cấp nước sạch cho Nhân dân sinh sống tại thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay và một số xã trung tâm tại 08 huyện trên địa bàn tỉnh. Công ty đang trực tiếp quản lý và vận hành 09 nhà máy nước với tỷ lệ dân cư được cấp nước sạch là 175.508 người/công suất khai thác thực tế là 21.341m³/ngày đêm, đạt 150 lít/người/ngày đêm (tổng công suất thiết kế là 33.700m³/ngày đêm, tương đương khoảng 192,3 lít/người/ngày đêm). Hiện nay, tỷ lệ người dân trên địa bàn toàn tỉnh được sử dụng nước sạch từ các nhà máy của Công ty Cổ phần cấp nước Điện Biên quản lý, cung cấp là 66%.

Với tổng 09 nhà máy hiện đang hoạt động, trong đó 6/9 nhà máy hoạt động hiệu quả (*nhà máy nước Thành phố Điện Biên Phủ, Mường Chà, Mường Nhé, Mường Ảng, Tuần Giáo, Tủa Chùa*), đạt tỷ lệ 66,66% và 3/9 nhà máy hoạt động kém hiệu quả (*nhà máy nước huyện Nậm Pồ, huyện Điện Biên Đông và thị xã Mường Lay*), chiếm tỷ lệ 33,34%; việc 03 nhà máy hoạt động kém hiệu quả do khó khăn về nguồn nước và nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân.

**2. Kết quả xây dựng, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt**

Trong giai đoạn 2021 - 2024, số công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh được đầu tư xây mới và nâng cấp là 64 công trình/dự án. Tổng mức đầu tư là 153.399.945.976 đồng; trong đó, vốn trung ương là 127.392.249.776 đồng, vốn ngân sách tỉnh là 15.353.848.100 đồng, vốn khác (vốn vay lại nước ngoài) là 10.653.848.100 đồng. Kinh phí đã bố trí là 144.131.541.159 đồng; trong đó, vốn trung ương là 118.691.655.319 đồng, vốn ngân sách tỉnh là 15.460.706.340 đồng, vốn khác (vốn vay lại nước ngoài) là 9.979.179.500 đồng.

Trong tổng 64 công trình/dự án, có 23 công trình/dự án được đầu tư từ nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025 và 30 công trình/dự án được đầu tư từ nguồn vốn khác; trong đó: 18 công trình/dự án do Ban, ngành tỉnh làm chủ đầu tư, 07 công trình/dự án do cấp huyện làm chủ đầu tư và 36 công trình/dự án do Công ty Cổ phần cấp nước Điện Biên làm chủ đầu tư. Các công trình/dự án cấp nước sinh hoạt trên địa bàn được đầu tư, nâng cấp trong giai đoạn 2021 - 2024 phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư, thứ tự ưu tiên và tính cấp thiết về nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn.

*(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo Báo cáo)*.

**3. Tình hình duy tu, bảo dưỡng các công trình cấp nước sinh hoạt**

Đối với các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn, sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng, chủ đầu tư đã bàn giao về UBND cấp huyện, cấp xã, sau đó được giao cho các Tổ quản lý, khai thác, vận hành để quản lý, bảo vệ, khai thác và sự dụng theo mô hình cộng đồng. Trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng, đối với những hư hỏng nhỏ, hầu hết các Ban quản lý Tổ đã vận động cộng đồng dân cư thấy được trách nhiệm và lợi ích của gia đình nên tự sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình như thay van nước, nạo vét đập đầu mối, thay mới những đoạn ống dẫn nước gần khu dân cư, giữ gìn nguồn nước an toàn để cung cấp nước vào các công trình hoạt động ổn định, bền vững.

Đối với các công trình cấp nước do Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và Môi trường; Công ty Cổ phần cấp nước Điện Biên quản lý, vận hành và khai thác được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên từ nguồn thu tiền nước tại các công trình theo quy định *(Trong giai đoạn 2021- 2024, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và Môi trường đã bố trí 1.206,51 triệu đồng chi phí bảo trì, sửa chữa nhỏ).* Việc duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và kịp thời xử lý những hư hỏng nhỏ đã góp phần quan trọng trong việc bảo đảm nước sạch ổn định cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của nhân dân, duy trì, bảo vệ công trình bền vững.

**IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Kết quả đạt được**

UBND các cấp, các sở, ngành có chuyên môn đã kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện đầu tư, xây dựng, nâng cấp, khai thác, vận hành các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh; các cơ sở đã thành lập được các Tổ quản lý khai thác, vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung ở các thôn, bản để bảo vệ, vận hành khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn, giúp cho việc quản lý, khai thác có hiệu quả các công trình nước sinh hoạt sau đầu tư.

Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh được tăng lên qua các năm. Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt ổn định, thường xuyên và hợp vệ sinh đã tăng từ 84,42% năm 2021 lên 92,86% năm 2024, vượt 7,86 % mục tiêu đến năm 2025; tỷ lệ hộ dân nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 14,62%, vượt 4,62% mục tiêu đến năm 2025.

Nhiều công trình nước sinh hoạt tập trung nông thôn được xây dựng mới và được duy tu, sửa chữa đã giải quyết vấn đề khó khăn về nước sinh hoạt cho Nhân dân, nhất là đối với các bản vùng cao, vùng khó khăn, nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe của Nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cơ sở. Các công trình cấp nước sạch đô thị được đầu tư, nâng cấp, bảo dưỡng định kỳ, trang thiết bị hiện đại đã kịp thời đáp ứng nhu cầu về sản lượng và chất lượng nước sạch theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; việc thất thoát nước được hạn chế và giảm dần theo năm.

Công tác tuyên truyền tại một số địa phương được quan tâm, chú trọng, vì vậy ý thức của người dân trong việc bảo vệ nguồn nước, bảo vệ các công trình và sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích được nâng lên. Nhiều hộ gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã khắc phục được việc uống nước lã trực tiếp, hình thành thói quen đun nước sôi để nguội trước khi uống; tự nguyện thay sửa van nước, dây dẫn nước bị hỏng; không chăn thả gia súc tại nơi đầu nguồn nước, tích cực trồng rừng để giữ nguồn nước; sử dụng hóa chất trong canh tác, sản xuất theo hướng dẫn...

**2. Tồn tại, hạn chế**

- Còn 199 công trình không còn hoạt động *(hết niên hạn sửa dụng, hỏng hóc, xuống cấp, không còn đập đầu mối,...)* nhưng chưa được các địa phương quan tâm thực hiện các thủ tục thanh lý; 237 công trình hoạt động kém bền vững chưa được bố trí kinh phí để sửa chữa, nâng cấp.

- Ở khu vực nông thôn, nhiều công trình cấp nước sạch chưa phát huy hết công suất thiết kế, doanh thu từ dịch vụ sử dụng nước sạch thấp, việc phát triển khách hành sử dụng nước sạch gặp khó khăn; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch còn thấp.

- Một số Tổ quản lý khai thác, vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung ở các thôn, bản hoạt động còn hạn chế, trách nhiệm của các thành viên Tổ quản lý chưa cao, chủ yếu do Trưởng bản, Thôn đội trưởng thực hiện thực hiện trách nhiệm; một số Tổ tự giải thể, không còn hoạt động.

- Hầu hết các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; những công trình cấp nước sạch nông thôn gần khu dân cư chưa có giấy phép sử dụng hành lang đường giao thông.

- Việc bàn giao tài sản một số công trình sau đầu tư cho Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và Môi trường quản lý, vận hành chưa được thực hiện (07 công trình trên địa bàn huyện Điện Biên do Ban quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư, được đấu nối nước trực tiếp từ hệ thống đường ống nước sạch của nhà máy nước thành phố Điện Biên Phủ và đang do Công ty CP cấp nước Điện Biên quản lý, vận hành)[[3]](#footnote-3).

**3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

***3.1. Nguyên nhân khách quan***

Thời tiết, khí hậu diễn biến phức tạp, gây mất cân bằng lưu lượng nước giữa các mùa, thiếu hụt nước vào mùa khô và lũ lụt vào mùa mưa làm hư hỏng hệ thống cấp nước, ảnh hưởng đến độ bền vững của công trình. Địa hình miền núi phức tạp cho công tác thi công, lắp đặt và bảo vệ hệ thống cấp nước.

Chưa có khung pháp lý quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp cung cấp nước, chính quyền địa phương, cơ sở và người dân trong việc sử dụng nước sạch. Chưa có chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại nâng cao chất lượng nước sạch.

Công tác đấu thầu quản lý khai thác vận hành, công tác giao tài sản cho đơn vị có cổ phần vốn nhà nước tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025 các văn bản còn chồng chéo chưa có sự đồng nhất.

Đời sống của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng cao còn nhiều khó khăn, nguồn thu nhập của gia đình hạn chế, nhất là những hộ nghèo, hộ cận nghèo nên còn có khó khăn trong việc chi trả tiền sử dụng nước sạch ở khu vực nông thôn.

***3.2. Nguyên nhân chủ quan***

Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện; công tác tuyên truyền, phổ biến về quy trình vận hành, bảo dưỡng các công trình cấp nước sinh hoạt đến với Nhân dân của một số chính quyền địa phương chưa thật sự được quan tâm, chú trọng, nhất là cấp xã, thôn, bản.

Công tác phối hợp liên ngành trong thanh tra, kiểm tra hiệu quả công trình sau đầu tư chưa được thực hiện thường xuyên; chưa hướng dẫn các địa phương quy trình thanh lý các công trình cấp nước không còn hoạt động. Công tác phối hợp giữa chủ đầu tư, đơn vị thi công nâng cấp cơ sở hạ tầng với đơn vị cấp nước sinh hoạt chưa chặt chẽ nên trong quá trình thi công một số công trình hạ tầng cơ sở đã làm hư hỏng hệ thống cấp nước, gây thất thoát nước, ảnh hưởng đến chất lượng nước, gián đoạn việc cung cấp nước phục vụ nhân dân.

Một bộ phận hộ gia đình, người dân chưa có ý thức cao trong bảo vệ tài sản của Nhà nước nên vẫn còn tình trạng chặt phá, trộm cắp đường ống nước, đập phá bể chứa nước để lấy sắt, thép, tự ý đấu nối nước trái phép, hỏng van nước, cút nối nhưng không sửa chữa, thay thế; chưa có ý thức trong bảo vệ nguồn nước; người dân tự ý khoan giếng hoặc tự lắp đặt đường ống dẫn nước từ đầu nguồn về gia đình sử dụng, trong khi công trình nước sinh hoạt tập trung đã được đầu tư, gây lãng phí nguồn lực.

Kinh phí bố trí cho việc nâng cấp, sửa chữa các công trình còn hạn chế, nhất là các công trình giao cho UBND các xã quản lý. Vì vậy nhiều công trình do cộng đồng quản lý, khai thác đã hư hỏng, xuống cấp, hoạt động kém hiệu quả nhưng chưa được bố trí kinh phí duy tu, sữa chữa.

Việc đầu tư một số công trình chưa đồng bộ, thiếu trang thiết bị hiện đại; một số công trình quy mô nhỏ, vị trí xây dựng không phù hợp với điều kiện địa hình nên áp suất nước thấp, chưa đáp ứng nhu cầu của người dân trong khu vực.

**4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với những tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện**

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có một phần trách nhiệm của UBND tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư, quản lý cấp nước sinh hoạt.

Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong xây dựng kế hoạch đầu tư, cân đối, bố trí ngân sách duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình; trách nhiệm trong việc chưa thực hiện các thủ tục thanh lý đối với những công trình nước sinh hoạt không còn hoạt động; trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức trong việc quản lý, vận hành khai thác các công trình và bảo vệ nguồn nước sinh hoạt.

Trách nhiệm phối hợp theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giám sát chất lượng nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, các đơn vị cung cấp nước; trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn thanh lý tài sản của các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường.

**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1. Đối với UBND tỉnh**

- Quan tâm bố trí nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách trung ương… để đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình cấp nước sạch, các công trình cấp sinh hoạt cho các khu vực nông thôn. Bố trí ngân sách địa phương để nâng cấp, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh; đặc biệt là các địa bàn vùng cao, vùng khó khăn, vùng khan hiếm về nguồn nước sinh hoạt.

- Kiến Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại nâng cao chất lượng nước; ban hànhkhung pháp lý quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp cung cấp nước, chính quyền địa phương, cơ sở và người dân trong việc sử dụng nước sạch. Ban hành cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút Nhà đầu tư, quản lý vận hành công trình sau đầu tư để cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhất là khu vực có khó khăn, khan hiếm về nguồn nước.

- Chỉ đạo các đơn vị chủ đầu tư các dự án nâng cấp hạ tầng cơ sở phối hợp với các đơn vị cấp nước, nhất là nước sạch đô thị có phương án bảo đảm an toàn hệ thống cấp nước khi thi công các công trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống cấp nước.

- Chỉ đạo các Sở: Xây dựng, Tài Chính, Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn việc bàn giao dứt điểm tài sản đối với 07 công trình cấp nước sạch theo Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh hiện vẫn đang do Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên quản lý, vận hành về Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và Môi trường quản lý, vận hành hoặcxem xét các phương án khai thác khác *(cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác…)* theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ”. Hướng dẫn, tiến hành các thủ tục thanh lý tài sản là các công trình cấp nước không còn hoạt động, hết niên hạn sử dụng theo quy định.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh chưa được cấp giấy.

- Chỉ đạo các cơ sở tăng cường công tác trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, đặc biệt là các khu vực đầu nguồn nước. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức trong công tác bảo vệ các công trình cấp nước sinh hoạt và bảo vệ, giữ gìn các nguồn cung cấp nước....

**2. Đối với các Sở, ngành có liên quan**

Yêu cầu Sở Nông nghiệp và Môi trường tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Y tế trong kiểm định chất lượng nước sạch; phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị, cơ sở tiến hành các thủ tục thanh lý các công trình không còn niên hạn sử dụng; phối hợp với cơ sở và các đơn vị cung cấp nước tiếp tục hướng dẫn, tuyên truyền bằng nhiều hình thức để nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong bảo vệ công trình, bảo vệ nguồn nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

**3. Đối với các đơn vị cung cấp nước**

Tiếp tục ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác và xử lý nguồn nước, mở rộng diện tích cung cấp nước sạch, nước đạt quy chuẩn; tăng cường các biện pháp bảo vệ các công trình cấp nước, chống thất thoát nước.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư, quản lý, cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021- 2024" của HĐND tỉnh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:**  - UBTV Quốc hội;  - Chính phủ (b/c);  - Bộ NN và MT; Bộ Tài Chính;  - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;  - Ủy ban MTTQ VN tỉnh,  - Sở Nông nghiệp và Môi trường;  - Sở Xây dựng; Sở Y tế;  - Thành viên đoàn giám sát;  - TTHU, HĐND, UBND các huyện,TX, TP;  - VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - Các tổ chức được giám sát trực tiếp;  - Phòng Công tác HĐND;  - Lưu: VT. | **TM. ĐOÀN GIÁM SÁT CỦA HĐND TỈNH**  **KT.TRƯỞNG ĐOÀN**  **PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**  **PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH**  **Giàng Thị Hoa** |

1. Các huyện: Điện Biên, Mường Chà, Mường Ảng, thị xã Mường Lay, Thành phố Điện Biên Phủ và các sở: Tài chính, Xây dựng và Y tế. [↑](#footnote-ref-1)
2. Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; Quyết định số 1595/QĐ-TTg ngày 23/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 36- KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. [↑](#footnote-ref-2)
3. Gồm các công trình: cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Thanh Hưng, Thanh Luông và các bản lân cận; cấp nước sinh hoạt xã Thanh An; cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Noong Hẹt và các bản lân cận; cấp nước sinh hoạt xã Thanh Xương; cấp nước sinh hoạt xã Thanh Yên; cấp nước sinh hoạt Bản Phủ; cấp nước sinh hoạt xã Sam Mứn. [↑](#footnote-ref-3)